TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/KDTM-ST
Ngày: 07 - 5 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Dương Thị B;

2. Bà Tôn Thị Ngọc S.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình G - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 97/2023/TLST-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 4 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH A; địa chỉ: Đường số 11, khu công nghiệp Đ, phường R, thành phố T, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; nơi thường trú: Số 646/41/2 đường 30/4 phường D, thành phố T, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 02/5/2024). Có mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH MTV xây dựng thương mại dịch vụ B, địa chỉ: Số 235D/2, khu phố 1B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp ông Nguyễn Việt D, sinh năm 1982, nơi thường trú: Tổ 5, khu phố H, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương - là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12 tháng 8 năm 2022 Công ty TNHH A và Công ty TNHH MTV xây dựng thương mại dịch vụ B có ký kết hợp đồng nguyên tắc số 2208.002.HĐNT/AC - VIETDUNG. Theo hợp đồng trên nguyên đơn cung cấp mặt hàng bột sơn cho bị đơn. Quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giao hàng đầy đủ cho bị đơn, tổng giá trị đơn hàng là 93.882.500 đồng, ngày 27/9/2022 nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo đúng yêu cầu của bị đơn. Ngày 14/11/2022 bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng và được khấu trừ số tiền 1.283.000 đồng. Ngày

31/12/2022 bị đơn có ký xác nhận công nợ thể hiện còn nợ bên nguyên đơn số tiền 62.599.500 đồng.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện:

Buộc Công ty TNHH MTV xây dựng thương mại dịch vụ B thanh toán số tiền gốc còn nợ khi mua hàng hóa là 62.599.500 đồng.

Đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH MTV xây dựng thương mại dịch vụ B phải thanh toán tiền phạt chậm thanh toán 0,5% giá trị đơn hàng chưa thanh toán trên 01 tuần tạm tính 51 tuần là 15.962.873 đồng, nay bị đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện phần tiền phạt trên chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền phạt chậm thanh toán là 8% trên tổng số tiền chưa thanh toán cụ thể 62.599.500 đồng x 8% = 5.007.960 đồng.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Qúa trình tố tụng người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Việt D trình bày: Thống nhất trình bày của nguyên đơn về: Hợp đồng nguyên tắc số 2208.002/HĐNT/AC - VIETDUNG ngày 12/8/2022, về số tiền còn nợ 62.599.500 đồng. Hiện nay bị đơn chưa thanh toán số tiền trên cho nguyên đơn do nguyên đơn chưa xuất hóa đơn cho bị đơn mà nguyên đơn chỉ xuất hóa đơn cho cá nhân của bị đơn. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bị đơn đồng ý trả tiền gốc, riêng tiền lãi phạt bị đơn không đồng ý do nguyên đơn chưa xuất hóa đơn cho đúng bị đơn. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đương sự: Về việc tuân theo quy định pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nhận thấy: quá trình tố tụng bị đơn thừa nhận có mua hàng của nguyên đơn, bị đơn có xác nhận hiện nay còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 62.599.500 đồng sự thừa nhận của bị đơn là chứng cứ không cần chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên căn cứ vào hợp đồng nguyên tắc và quy định pháp luật việc nguyên đơn yêu cầu thanh toán tiền gốc và tiền lãi phạt là phù hợp quy định pháp luật. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, bị đơn có trụ sở tại số 235D/2, khu phố 1B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của bị đơn trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện: Quá trình tố tụng nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền phạt chậm thanh toán 0,5% giá trị đơn hàng chưa thanh toán trên 01 tuần tạm tính 51 tuần là 15.962.873 đồng, nay bị đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện phần tiền phạt trên chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền phạt chậm thanh toán là 8% trên tổng số tiền chưa thanh toán cụ thể 62.599.500 đồng x 8% = 5.007.960 đồng. Xét việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện trên không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ khi mua hàng hóa là 62.599.500 đồng. Việc mua bán hai bên có ký kết hợp đồng nguyên tắc số 2208.002/HĐNT/AC- VIETDUNG ngày 12/8/2022 thể hiện "thanh toán 100% giá trị đơn hàng sau 30 ngày kể từ ngày bên mua nhận đầy đủ hàng hóa chứng từ kèm theo tương ứng mỗi đơn hàng đã giao". Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, ngoài ra, giữa nguyên đơn và bị đơn có lập biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2022 thể hiện bị đơn còn nợ nguyện đơn số tiền 62.599.500 đồng. Quá trình tố tụng bị đơn thống nhất còn nợ nguyên đơn số tiền gốc khi mua bán hàng hóa là 62.599.500 đồng. Sự thừa nhận trên của bị đơn là chứng cứ không cần chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bị đơn không thanh toán đầy đủ tiền mua hàng cho nguyên đơn là ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của nguyên đơn, do đó cần buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền 62.599.500 đồng cho nguyên đơn.

Về yêu cầu tiền phạt chậm thanh toán là 8% trên tổng số tiền chưa thanh toán: Theo Điều 301 Luật thương mại quy định "Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp quy định tại Điều 266 của Luật này". Nếu tính 8% của số tiền 62.599.500 đồng là 5.007.960 đồng hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật. Bị đơn không đồng ý thanh toán tiền phạt trên cho nguyên đơn do nguyên đơn chưa xuất hóa đơn cho bị đơn là không phù hợp bởi nếu bị đơn không đồng ý thì bị đơn đã không thanh toán trước số tiền 30.000.000 đồng cho nguyên đơn, đây chỉ là lý do mà bị đơn tự đặt ra để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó, cần buộc bị đơn phải thanh toán số tiền phạt chậm thanh toán cho nguyên đơn là 5.007.960 đồng như trên.

Quá trình tố tụng nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại số tiền gốc còn nợ khi mua hàng là 62.599.500 đồng và thanh toán số tiền phạt chậm thanh toán là 5.007.960 đồng. Tổng cộng: 67.607.460 đồng.

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, các Điều 35, 39, 92, 147, 227, 228, 244, 264, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 24, 50, 55, 300, 301 Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A đối với bị đơn Công ty TNHH MTV xây dựng thương mại dịch vụ B về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH MTV xây dựng thương mại dịch vụ B phải thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền nợ gốc từ việc mua bán hàng hóa là 62.599.500 đồng và thanh toán tiền phạt chậm thanh toán là 5.007.960 đồng. Tổng cộng: 67.607.460 đồng (sáu mươi bảy triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn, bốn trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Công ty TNHH MTV xây dựng thương mại dịch vụ B phải chịu 3.380.373 đồng (ba triệu, ba trăm tám mươi nghìn, ba trăm bảy mươi ba đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000954 ngày 13/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị H